TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2018/DS-PT
Ngày: 22/3/2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Phạm Thị Hằng**

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2. Ông Nguyễn Chí Sang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng, Kiểm sát viên.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/DSPT/2018/ TLPT-DS ngày 10/01/2018 về vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";

Do Bản án số 601/2017/DS-ST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 804/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phan Thị S**, sinh năm 1941.

Địa chỉ: 361 đường X, tổ a, khu b, phường Y, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 4A đường A, khu phố B, thị trấn C, huyện D; Theo Giấy ủy quyền số công chứng 026019, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/11/2016 tại Văn phòng công chứng C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Đường số E (số 230 cũ) tổ F, ấp G, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Nguyễn Lữ H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 39/22A đường D, Phường G, quận F; Theo Giấy ủy quyền số

chứng thực 164, quyển số 01-SCT/CK, ĐC ngày 03/12/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Củ C

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Thành H, sinh năm 1976

Địa chỉ: 361 đường X, tổ a, khu b, phường Y, tỉnh Bình Dương. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/8/2016 của bà Phan Thị S cùng các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thì nội dung vụ án như sau:

Bà Phan Thị S là mẹ của ông Đặng Thành H. Ông L là chồng của bà Nguyễn Thanh H. Ngày 12/01/2015, bà H làm giấy xác nhận nợ với nội dung: Bà H vay bà S số tiền là 154.700.000đ (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng), vay bà Tám (chị ruột ông L) số tiền là 175.300.000đ (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng), tổng cộng là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng). Ngày 01/4/2015, bà H và ông L ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2015/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ngày 11/8/2016, bà S khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thanh H do ông Trương Nguyễn Lữ H đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H xác nhận mối quan hệ nhân thân và nội dung giấy xác nhận nợ ngày 12/01/2015 như bà S trình bày. Bà H đứng ra vay bà S và bà Tám (chị ruột ông L) tổng cộng số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) là để trả nợ do ông L đánh bạc. Ngày 01/4/2015, bà H và ông L ly hôn. Bà H cho rằng đây là nợ chung của vợ chồng nên cả hai phải cùng có trách nhiệm trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà S, bà H chỉ đồng ý trả một nửa số tiền nợ bà S là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Đối với số tiền nợ bà Tám, bà H sẽ trả khi bà Tám có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Thành H xác nhận mối quan hệ nhân thân và số tiền nợ của bà S và bà Tám theo giấy nhận nợ ngày 12/01/2015 do bà H viết. Ông L đồng ý trả một nửa số tiền nợ bà S trong giấy nhận nợ nêu trên, cụ thể là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Đối với số tiền nợ bà Tám: Bà Tám tên thật là Đặng Thị Kim Hạnh chị ruột ông L, hiện nay đang sống ở Úc, ông L đồng ý cùng bà H trả khi bà Tám có yêu cầu. Ông L xin vắng mặt trong quá trình làm việc, hòa giải và xét xử vụ án tại các cấp tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2017/DS-ST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị S.

- Buộc bà Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị S số tiền là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

- Không chấp nhận phần yêu cầu của bà Phan Thị S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thanh H phải trả số tiền 252.650.000 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

- Hủy các giấy biên nhận nợ là Giấy mượn tiền ngày 12 tháng 1 năm 2015 và các văn bản có liên quan đến khoản nợ trên mà hai bên ký xác nhận.

- Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất được quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh H phải nộp án phí dân sự là 3.867.500 đồng (ba triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Bà Phan Thị S phải nộp án phí án phí dân sự là 12.632.500 đồng (mười hai triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn năm trăm đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp là 8.250.000 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/005235 ngày 18/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên bà S còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 4.382.500 đồng (bốn triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn năm trăm đồng).

Ngày 12/12/2017, bà Phan Thị S do ông Nguyễn Thanh L đại diện theo ủy quyền, có đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Phan Thị S do ông Nguyễn Thanh L đại diện theo ủy quyền, yêu cầu: Bà H có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) cho bà S do bà H là người trực tiếp nhận số tiền này.

Bản án sơ thẩm có sự mâu thuẫn trong phần nhận định và phần quyết định, cụ thể là: Án sơ thẩm nhận định đối với số tiền bà H, ông L nợ bà Tám và số tiền ông L nợ bà S theo giấy nhận nợ ngày 12/01/2015 sẽ được giải quyết khi các bên có yêu cầu. Tuy nhiên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên hủy bản chính giấy nhận nợ ngày 12/01/2015. Do đó, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thanh H do ông Trương Nguyễn Lữ H đại diện theo ủy quyền đề nghị Hội đồng xét xử, xử y án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên hủy giấy nhận nợ ngày 12/01/2015 là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Tám (tức bà Hạnh chị ruột ông L). Do đó đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Theo giấy nhận nợ ngày 12/01/2015 do bà Nguyễn Thanh H viết, thể hiện:

- Bà H mượn bà Phan Thị S số tiền 154.700.000 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng).
- Bà H mượn bà Tám (chị ruột ông L) số tiền 175.300.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng).

Tổng cộng là 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng).

Theo giấy nhận nợ cùng ngày 12/01/2015, ông Đặng Thành H cũng xác nhận số tiền nợ giống với giấy nhận nợ mà bà H viết.

Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 107/2015/QĐST-HNGĐ ngày 01/4/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thể hiện bà H và ông L đã ly hôn.

Bà S khởi kiện bà H yêu cầu trả toàn bộ số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S. Bà đồng ý trả ½ số tiền mượn của bà S là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Bà H không đồng ý trả số tiền nợ bà Tám do bà Tám không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ông L đồng ý trả một nửa số tiền nợ bà S trong giấy nhận nợ nêu trên, cụ thể là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Đối với số tiền nợ bà Tám, ông L đồng ý cùng bà H trả khi bà Tám có yêu cầu.

Trước lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Giấy nhận nợ ngày 12/01/2015 do bà Nguyễn Thanh H viết thể hiện hai khoản nợ như sau:

Số tiền 154.700.000 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) nợ bà Phan Thị S: Bà H và ông L đều xác nhận số nợ trên, hai người đồng ý cùng trả nợ, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng). Xét sự tự nguyện của bà H và ông L là có cơ sở nên chấp nhận.

Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H có trách nhiệm trả cho bà S số tiền là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) mà không buộc ông L có trách nhiệm trả một nửa số tiền nợ cho bà S là có thiếu sót nên sửa bản án sơ thẩm.

Đối với số tiền 175.300.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng) nợ bà Tám (tức bà Hạnh chị ruột ông L): Do bà Tám không có yêu cầu giải quyết nên tòa không xem xét.

Trong giấy nhận nợ đề ngày 12/01/2015 do bà H viết, thể hiện 02 (hai) khoản nợ: Nợ bà S số tiền 154.700.000 đồng (một trăm năm mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng), nợ bà Tám số tiền 175.300.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Án sơ thẩm tuyên hủy giấy nhận nợ nêu trên là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Tám nên sửa án sơ thẩm về phần này.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Nguyễn Thanh L là đại diện theo ủy quyền của bà S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu bà H trả toàn bộ số tiền 330.000.000 đồng (ba trăm ba mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Như đã phân tích ở trên, không có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Phan Thị S phải chịu 8.765.000 đồng (tám triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) đối với yêu cầu không được chấp nhận là số tiền 175.300.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng) nợ của bà Tám.

- Bà Nguyễn Thanh H và ông Đặng Thành H, mỗi người phải chịu 3.867.500 đồng (ba triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng) đối với số tiền phải trả cho bà S là 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên hủy giấy nhận nợ ngày 12/01/2015 là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Tám (tức bà Hạnh chị ruột ông L). Do đó đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471; 474; 476; 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Khoản 2 Điều 29; Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Áp dụng Khoản 1, Khoản 4, Điều 27; Điều 5 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 2; 6; 7; 9; 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị S do ông Nguyễn Thanh L là đại diện theo ủy quyền.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 601/2017/DS-ST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị S.

2.2. Buộc bà Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị S số tiền 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) là ½ số nợ của bà S mà bà H ghi trong giấy nhận nợ ngày 12/01/2015.

2.3. Buộc ông Đặng Thành H có trách nhiệm trả cho bà Phan Thị S số tiền 77.350.000 đồng (bảy mươi bảy triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) là ½ số nợ của bà S mà bà H ghi trong giấy nhận nợ ngày 12/01/2015.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền nêu trên cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị S đối với số tiền nợ của bà Tám (tức bà Đặng Thị Kim Hạnh chị ruột ông L) mà bà H ghi trong giấy nhận nợ ngày 12/01/2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thanh H và ông Đặng Thành H mỗi người phải chịu 3.867.500 đồng (ba triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng). Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà Phan Thị S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.765.000 đồng (tám triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà S số tiền 8.250.000 đồng (tám triệu hai trăm năm mươi ngàn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/005235 ngày 18/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị S không phải chịu, hoàn trả cho bà S tiền án phí dân sự phúc thẩm tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0008010, ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (T/18).

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Hằng